



HỘI GIA LÍNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22204-0635
TELEPHONE:

IV#: 349.350

VEWL.#: _____

L-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN AI QUỐC
(Ten Tu Nhan) Last (Ho) Middle First (Ten)

Current Address: 8/65 NGUYỄN CHÍ THANH, TƯỜNG BÌNH HIỆP, THỦ DẦU MỘT, SÔNG BÈ

Date of Birth: 11-6-1954 Place of Birth: THỦ DẦU MỘT

Thang - Ngay - Nam
Previous Occupation (before 1975) THIỆU ỦY SĨ QUAN KHÔNG TRỞ
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 7-4-1975 To 9-6-1980
(Thang - Ngay - Nam) Years: 05 Months: 2 Days: 2

3. SPONSOR'S NAME: SANG - NGUYEN
(Nieu co) Name

Address and Telephone Number

1. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category 1 of the OIA criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on IIR Form I-129 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN AI QUỐC
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LÊ THỊ THÍCH	1-4-1958	Vợ
NGUYỄN QUỐC TÚ	7-10-1983	Con
NGUYỄN QUỐC CHUÔNG	9-7-1988	Con

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

APPROVED BY

Sông Bé ngày 9 - 3 - 1996

Kính gửi :

- Bà : Khỏe Minh Thu.

Hội Trưởng Hội gia đình tù nhân chính trị V.N.

Tôi tên Nguyễn Chí Quốc sinh năm 1954 đã phục vụ trong Quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Số quân 74/43613 Cấp bậc Thiếu úy, chức vụ Sĩ Quan Không Trú (Ban 3) Đơn vị cuối cùng: Tiểu đoàn 361/ĐP Tiểu Khu Bình Dương

Sau ngày 30-4-1975 tôi đã bị tập trung cải tạo từ ngày 4-7-1975 đến 6-9-1980, ra về bị quản chế 6 tháng, đã qua các trại:

- Trại 9 Liên Trại 3, HT. 810422 Sông Bé.
- L4, T3 HT 7590 Trảng Lớn, Tây Ninh.
- Đ3, F500, HT 3138 Phước Long, Sông Bé.
- Trại Z.30C Hàm Tân, Thuận Hải.

Tôi đã nộp Hồ sơ xin định cư tại Mỹ cho chính phủ V.N vào năm 1988, Nhưng vì đời sống khó khăn nên đến năm 1991 tôi mới tiếp tục lo hồ sơ, và được lên danh sách HO. 39/511. Năm 1994 tôi mới nộp Hồ sơ qua Thái Lan số IV: 349.350, và tôi đã được phỏng vấn vào ngày 9-3-1995.

Khi vào gặp đoàn phỏng vấn, đoàn đã hỏi về binh chủng, đi lính từ năm nào đến năm nào, học tập từ năm nào đến năm nào, số quân, và số quân đó có từ lúc nào, sau đó đoàn đã miễn chứng minh nhân dân và đã so sánh dấu tay giữa giấy ra trại lẫn chính và chứng minh nhân dân là hoàn toàn đúng. Sau đó đoàn đã cầm giấy chứng nhận ngay ra vào trại cũ C.27 Cảnh sát nghiệp vụ cấp cho tôi vào

ngày 9-6-1994 do Nguyễn Hùng Kỳ nói là giấy giả
và yêu cầu tôi chứng minh. Và phải đem đi nói
là cho tôi một cơ hội cuối là chứng minh
được giấy đó thì sẽ giải quyết cho những hợp
của tôi. Sau đó ra về, tôi mới biết là giấy xác
nhận đó không có giá trị nữa. Giấy xác nhận
ngày ra vào trại phải do chính ông Đoàn Văn Túc
ký, và phải do Tổng cục I lúc này hồ sơ an ninh
cấp mới có giá trị, vì đó là chữ ký mẫu đã
đăng ký tại VP.ODP/TL. Và tôi cũng đã đến đó và
xin lại giấy xác nhận ngày ra vào trại do chính
Đoàn Văn Túc ký. Và từ đó đến nay tôi đã gửi khiến
nài liên tục qua VP.ODP/TL và tôi cũng chưa có
kết quả. Ngoài vấn đề trên tôi vì tôi đã xin giấy
không đúng chỗ qui định bị từ chối, ngoài ra
tôi không biết có lý do nào khác nữa hay không,
mà đến nay hồ sơ của tôi chưa được xem xét.

Kính thưa Bà, Qua hơn năm năm trong trại cải
tạo và hơn 10 năm sống trong sự chờ đợi và hy
vọng, bạn bè tôi đã lần lượt kẻ nước người
sao đã ổn định tại Mỹ. Riêng tôi vì hoàn cảnh khó
khăn trong cuộc sống không có điều kiện tiếp xúc
với bạn, nên trong hồ sơ tôi có phần sơ sót vì xin
giấy xác nhận không đúng qui định nên bị từ chối.

Kính thưa Bà! Khi tôi viết thư này gửi đến Bà
là tôi vẫn còn hy vọng, Bà có thể hiểu được
hoàn cảnh của tôi, mà giúp đỡ và can thiệp
cho những hợp của tôi, vì hiện tại gia đình tôi
gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống. Tôi
thưa thiết, khẩn khoản Bà, với gia đình
và tương lai của con cái chúng tôi

Sẽ ra sao khi còn ở lại V.N.

Kính chúc Bà và gia đình luôn
gặp mọi điều tốt lành, và xin nhận
nơi đây lòng biết ơn của chúng tôi.

Kính Bà .



Nguyễn Thị Quốc.

BỘ NỘI VỤ
Trại: Nam Tân
Số: 03159

CONG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - tự do - hạnh phúc

G I Á Y R A T R A I

CHUNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 03159 /SYCC Theo thông tư số 960-BCA/TT ngày 31-5-1981 của bộ nội vụ.
SÔNG BÈ, Ngày 15 tháng 12 năm 1980 Quyết định tha số 114-116 ngày 15-8-1980 của bộ
nội vụ.

Họ, tên khai sinh:

NGUYỄN ÁI QUỐC

Họ, tên thường gọi:

Họ, tên bí danh:

Sinh ngày 11 tháng 6 năm 1954

Sinh tại: Thủ đầu một.

Trụ quán: 5/15 ấp Chánh xã Phú Cường, Thủ đầu một, sông Bè.

Cán bộ: Thiếu úy sĩ quan không quân.

Ngày bắt đầu: 4-7-1975

Án phạt: Tập trung cải tạo.

Nơi xử phạt: 12 Nguyễn tương tam, ấp Chánh, Phú Cường, Châu Thành, Sông Bè.

NHẬN XÉT QUẢ TRÌNH CẢI TẠO

Tư tưởng: Chưa thấy biểu hiện gì xấu đã có chuyển biến tiến bộ

Lao động: Đảm bảo ngày công thái độ lao động tích cực.

Nội quy: Chấp hành nghiêm chưa sai phạm gì lớn.

Học tập: Tham gia đầy đủ thái độ học tập nghiêm túc.

Thời hạn quản chế: 06 tháng.

Lấn tay ngón trỏ phải
của: Nguyễn Ái Quốc

Họ, tên chữ ký
Người được cấp giấy

//) ngày 06 tháng 9 năm 1980

GIÁM THỊ

NGUYỄN ÁI QUỐC

Thiếu tá: PHẠM HUỆ

[illegible]

BY THE COURT

ИЗДАНИЕ

張

~~IN 1900 OF 1884 FOR THE YEAR 1902-1903 ON THE KNOWN DATE~~
~~OF 1884 ON 1902-1903 ON THE KNOWN DATE~~

Đk. có tính tình dễ dàng gần gũi
bên này đường - 5000 m. về phía
đường sông cao hơn.

80.42.807
2202

卷之四

1. Đang : đang
 2. Đang : đang
 3. Đang : đang
 4. Đang : đang
 5. Đang : đang
 6. Đang : đang
 7. Đang : đang
 8. Đang : đang
 9. Đang : đang
 10. Đang : đang
 11. Đang : đang
 12. Đang : đang
 13. Đang : đang
 14. Đang : đang
 15. Đang : đang
 16. Đang : đang
 17. Đang : đang
 18. Đang : đang
 19. Đang : đang
 20. Đang : đang
 21. Đang : đang
 22. Đang : đang
 23. Đang : đang
 24. Đang : đang
 25. Đang : đang
 26. Đang : đang
 27. Đang : đang
 28. Đang : đang
 29. Đang : đang
 30. Đang : đang
 31. Đang : đang
 32. Đang : đang
 33. Đang : đang
 34. Đang : đang
 35. Đang : đang
 36. Đang : đang
 37. Đang : đang
 38. Đang : đang
 39. Đang : đang
 40. Đang : đang
 41. Đang : đang
 42. Đang : đang
 43. Đang : đang
 44. Đang : đang
 45. Đang : đang
 46. Đang : đang
 47. Đang : đang
 48. Đang : đang
 49. Đang : đang
 50. Đang : đang
 51. Đang : đang
 52. Đang : đang
 53. Đang : đang
 54. Đang : đang
 55. Đang : đang
 56. Đang : đang
 57. Đang : đang
 58. Đang : đang
 59. Đang : đang
 60. Đang : đang
 61. Đang : đang
 62. Đang : đang
 63. Đang : đang
 64. Đang : đang
 65. Đang : đang
 66. Đang : đang
 67. Đang : đang
 68. Đang : đang
 69. Đang : đang
 70. Đang : đang
 71. Đang : đang
 72. Đang : đang
 73. Đang : đang
 74. Đang : đang
 75. Đang : đang
 76. Đang : đang
 77. Đang : đang
 78. Đang : đang
 79. Đang : đang
 80. Đang : đang
 81. Đang : đang
 82. Đang : đang
 83. Đang : đang
 84. Đang : đang
 85. Đang : đang
 86. Đang : đang
 87. Đang : đang
 88. Đang : đang
 89. Đang : đang
 90. Đang : đang
 91. Đang : đang
 92. Đang : đang
 93. Đang : đang
 94. Đang : đang
 95. Đang : đang
 96. Đang : đang
 97. Đang : đang
 98. Đang : đang
 99. Đang : đang
 100. Đang : đang

...and about the time ...

1946

1. Định nghĩa : Là một loại văn bản có tính chất pháp lý, dùng để quy định, hướng dẫn, tổ chức, quản lý các hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi quyền hạn của mình.
 2. Đặc điểm :
 a. Tính pháp lý : Là văn bản có giá trị pháp lý, bắt buộc phải tuân thủ.
 b. Tính quy phạm : Là văn bản quy định, hướng dẫn các hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
 c. Tính tổ chức : Là văn bản dùng để tổ chức, quản lý các hoạt động của cơ quan, tổ chức.
 d. Tính quản lý : Là văn bản dùng để quản lý các hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
 3. Phân loại :
 a. Văn bản quy phạm pháp luật : Là văn bản quy định, hướng dẫn các hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi quyền hạn của mình.
 b. Văn bản hành chính : Là văn bản dùng để tổ chức, quản lý các hoạt động của cơ quan, tổ chức.
 c. Văn bản pháp lý : Là văn bản có giá trị pháp lý, bắt buộc phải tuân thủ.
 4. Ý nghĩa : Văn bản pháp lý có ý nghĩa quan trọng trong việc tổ chức, quản lý các hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

0621 888 6 9888 30 1521111

10

[illegible]

THE UNITED STATES OF AMERICA

5225

BỘ NỘI VỤ
TỔNG CỤC I.
CỤC HỒ SƠ AN NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.
-oOo-



TP: Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 1995

GIẤY XÁC NHẬN

- Căn cứ vào hồ sơ lưu trữ tại: Cục hồ sơ an ninh Bộ Nội vụ
- Xét đơn đề nghị ngày 21/11/95 của ông, bà Ng. Ái Quốc

Cục Hồ sơ an ninh Bộ Nội Vụ xác nhận:

Ông, Bà. NGUYỄN. ÁI. QUỐC.....

Sinh ngày.....1954.....

Nơi sinh.....Thị trấn Một. Sông Bé.....

Trú quán 5/15. Ấp. Chánh. Phường. Thủ. trấn Một. Sông Bé

Cấp bậc, chức vụ trong chế độ cũ...Thiếu úy.....

.....Sĩ quan không trợ.....

Đã học tập cải tạo từ ngày 04 tháng 7 năm 1975.....

đến ngày 06 tháng 9 năm 1980

03159

- Lý do học tập cải tạo...Sĩ quan chế độ cũ.....

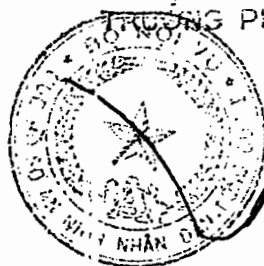
05 09 95



Hoàng Hồ Linh Chi
CÔNG CHỨNG VIÊN

TÌ CỤC TRƯỞNG CỤC HỒ SƠ AN NINH

TRƯỞNG PHÒNG



TRƯỞNG TÀI: Đàm Văn Quý

GIẤY PHỤC HỒI QUYỀN CÔNG DÂN

- Căn cứ vào chính sách 10 điều của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền nam Việt Nam.
- Đối với những người làm việc cho bộ máy nguy quân, nguy quyền của chế độ cũ.
- Căn cứ vào đơn xin bảo lãnh của chị Nguyễn thị kim Lang, sinh năm 1954, ngụ tại số 5/15 tổ 91 ấp Chánh Phú-cường thị-xã TDM SBé
- Căn cứ sự đề nghị của Ủy ban Xã Phú-cường, thị-xã Thủ-dầu-một SBé.

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ THỦ DẦU MỘT QUYẾT ĐỊNH

— Nay phục hồi quyền công dân cho NGUYỄN ÁI QUỐC
Tuổi 1954 Ngụ ở Chánh Xã Phú-cường
Thị xã Thủ-dầu-một Sông Bé.

Giấy chứng nhận học tập cải tạo số Cấp ngày

Kể từ ngày 31 tháng 03 năm 1981 Anh chị Nguyễn Ái Quốc

/// được tự do đi lại và hưởng quyền công dân như ///
người công dân khác của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Thị xã ngày 25 tháng 03 năm 1981

T.M. ỦY BAN D. Thị xã TDM
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn...

NGUYỄN VĂN...



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~260354151~~

Họ tên NGUYỄN-ÁI-QUỐC.



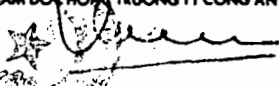
Sinh ngày 11-06-1954.

Nguyên quán Phú Cường

Thủ Dầu Một.

Nơi thường trú Tương-B-Hiệp

TX Thủ Dầu Một, Sông Bé.

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Công Giáo	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
		Seo chấm C2cm trên trước đầu mày trái.	
		Ngày 16 tháng 12 năm 1994 KÝ/GIÁM ĐÓNG HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN  Hoàng Lý Lâm	

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường PO
Huyện, Quận Tân
Tỉnh, Thành phố Số

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số TP/HT 3
Số 226
Quyển 4/94



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN AI QUỐC Nam hay nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh Ngày mười một, tháng sáu, năm một ngàn chín
trăm năm mươi bốn (11/06/1994)
Nơi sinh Phủ Cường
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>NGUYỄN THỊ LÁT</u>	<u>NGUYỄN VĂN VIỆT</u>
Tuổi	<u>1925</u>	<u>1919</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Đuôn oản</u>	<u>mất sức</u>
Nơi thường trú	<u>27/17 tổ 89 P.C</u>	<u>27/17 tổ 89 P.C</u>

Họ và tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai.

NGUYỄN VĂN VIỆT, sinh 1919, ngụ tại 27/17 tổ 89 P. Phủ Cường
Thị xã Thủ Lăng Một, Tỉnh Số

Đăng ký ngày 01 tháng 08 năm 1994

Người đứng khai

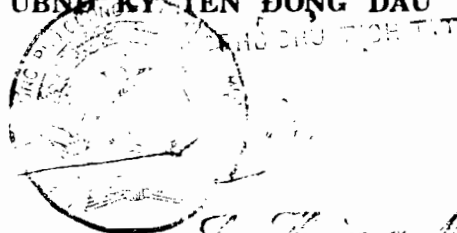
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
Phổ Chủ Tịch

Đã ký : Đỗ Văn Thanh

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 01 tháng 08 năm 1994

T/M UBND KY TÊN ĐÓNG DẤU



Đỗ Hoàng Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường **Tương-Bình-Hiệp**
Huyện, Quận **Thủ-Đa-Một**
Tỉnh, Thành phố **Sông-Bé**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số **161**
Quyển số **01**



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên **LÊ THỊ THÍCH** Nam hay nữ **NỮ**
Ngày, tháng, năm sinh **-(01/04/1958) ngày một tháng tư, năm một ngàn chín trăm năm mươi tám.**
Nơi sinh **Xã Tương-Bình-Hiệp TX-TDM.**
Dân tộc **Kinh** Quốc tịch **Việt-Nam**

Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	NGUYỄN THỊ GỖI	LÊ VĂN ƠN
Tuổi	1931	1928
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt-Nam	Việt-Nam
Nghề nghiệp	Nội Trợ	(Chết)
Nơi thường trú	8/65 K 7 ấp 3 Xã TBH-TX-TDM.	8/65 K 7 ấp 3 Xã TBH-TX-TDM.

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai.
Nguyễn Thị Gỏi sinh năm 1931 ngụ tại 8/65 K 7 ấp 3 Xã Tương-Bình-Hiệp TX-TDM Tỉnh Sông-Bé.

Đăng ký ngày **14** tháng **07** năm **1994**

Người đứng khai ký

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. Chu Tịch

NGUYỄN THỊ GỖI

SỐ **198** /SY

Đã ký: TRẦN VĂN TRƯ

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày **14** tháng **7** năm **1994**

T/M UBND



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường Phước Cường

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

QĐ số

Huyện, Quận Sông Bé

Ngày

Tỉnh, Thành phố Sông Bé

Số 101

Quyển số 01

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên Nguyễn Thị Quốc

Le Anh Chinh

Bí danh

Sinh ngày tháng Năm một chín

Năm một chín

năm hay tuổi mười lăm

mười lăm

Dân tộc

Kinh

Kinh

Quốc tịch

Việt Nam

Việt Nam

Nghề nghiệp

Công nhân

Công nhân

Nơi đăng ký

5/15 tổ 1 xã Phú

Xí Nghiệp Quốc Khánh

nhân khẩu

Quận Thủ Đức

Sơn Mai

thường trú

Sông Bé

Sông Bé

Số giấy chứng minh nhân dân 280354151

280002026

hoặc hộ chiếu

ĐÃ HỢP LỆ PHÁP

Đăng ký ngày 12 tháng 11 năm 19 80

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. U.B.N.D.

Phước Cường

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh - Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã. Thị trấn Tướng Bính
Thị xã Quận TDM
Thành phố, Tỉnh Sông Bắc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT 2/PS

GIẤY KHAI SINH

Số 881

Quyển số 02

Họ và tên :	<u>Nguyễn Quốc Tú</u>	Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm :	<u>07 tháng 10 năm 1983</u>	
Nơi sinh	<u>Bệnh xá Thủ xã Chu Đậu Một</u>	
Khai về của mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Ái Quốc</u> <u>11-06-1954</u>	<u>Lê Thị Thích</u> <u>1958</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	<u>Thợ vẽ</u> <u>5/15 Nguyễn Tường Tam - ấp</u> <u>chánh - phường phú cường</u>	<u>Công nhân</u> <u>74/3 - ấp 3 - Tướng Bình Hiệp</u> <u>thị xã TDM</u>
Họ, tên tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê Thị Thích - Sinh 1958 Ngụ tại số nhà 74/3</u> <u>ở ấp 3 xã Tướng Bình Hiệp thị xã TDM</u> <u>Tỉnh Sông Bắc</u>	

Đã ký ngày 07 tháng 10 năm 1984

(Ký tên công dân, ghi rõ chức vụ)

T.M. UBND xã



Công Văn

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã UTSP/3

Xã, Thị trấn Thường Bình HiệpThị xã, Quận TDMXã, Tỉnh Sông BéSố 1039Quyển số 02

GIẤY KHAI SINH



--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên	<u>Nguyễn Quốc Cường</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Chín tháng bảy năm một Chín Tám Tám</u> <u>09 tháng 7 năm 1988</u>		
Nơi sinh	<u>Bệnh viện Sông Bé</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Văn Quốc</u> <u>11 - 6 - 1954</u>	<u>Lê Thị Thiệp</u> <u>1958</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Thợ vẽ</u>	<u>Công nhân</u>	
Nơi ĐKKK thường trú	<u>5/15 Ngõ chi Quốc Sông Bé</u> <u>74/3 Ôt 3 Xã TDM</u>		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê Thị Thiệp Sinh 1958 ngụ tại xã Nhỏ</u> <u>74/3 Ôt 3 Xã Thường Bình Hiệp</u> <u>Thị trấn Một Sông Bé</u> <u>Số CMND: 980002906</u>		

Đăng ký ngày 27 tháng 7 năm 1988

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)





phong văn học
nơi giảng dạy văn
cửu vật lại

POSTAGE DUE 73

TO:

Bà: KHUẾ MINH THỊ

P.O. Box 5435, ARLINGTON, VA 2220-0635

USA.

NGUYỄN ÁI QUỐC

H. 39 - 511. , IV : 349 350

phong² văn ngày 9.3-1995 bị từ chối
W⁻ như một giấy 2 hai 8 hai mao .
- đã gửi giấy khai nhận qua Bangkok
như chưa được giải quyết.